SAO Y; TRUNG TÂM GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP - GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN;
Thời gian ký: 2024-10-22T16:21:13+07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 11 **TRUNG TÂM GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP-GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số : 529 /BC-GDNNGDTX	*Quận 11, ngày 22 tháng10 năm 2024*

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Năm học 2024 - 2025

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên đơn vị: **Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp- Giáo dục thường xuyên Quận 11**

Địa chỉ: 445/2 Lạc Long Quân, Phường 5, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ thư điện tử: ttgdnngdtx.q11@tphcm.gov.vn

Website: https://ttgdtxq11.hcm.edu.vn

Loại hình: Công lập

Cơ quan chủ quản: ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 11

1. Quá trình thành lập:

Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Quận 11 được thành lập theo Quyết định số 2825/QĐ-UBND ngày 31 tháng 5 năm 2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về thành lập Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Quận 11 (sau đây gọi tắt là Trung tâm) trực thuộc Ủy ban nhân dân Quận 11 trên cơ sở sáp nhập 03 trung tâm: Trung tâm Dạy nghề Quận 11, Trung tâm Giáo dục thường xuyên Quận 11 và Trung tâm Kỹ thuật tổng hợp - Hướng nghiệp Quận 11.

2. Chức năng:

1. Tổ chức đào tạo nhân lực trực tiếp cho sản xuất, kinh doanh và dịch vụ ở trình độ sơ cấp, đào tạo nghề nghiệp dưới 03 tháng;

2. Tổ chức thực hiện các chương trình giáo dục thường xuyên bao gồm: chương trình xóa mù chữ và giáo dục tiếp tục sau khi biết chữ từ cấp trung học cơ sở đến trung học phổ thông;

3. Tổ chức các hoạt động dạy và học; kiểm tra và cấp chứng chỉ theo quy định;

4. Tư vấn nghề nghiệp, tư vấn việc làm cho người học; phối hợp với các trường trung học cơ sở, trung học phổ thông tuyên truyền, hướng nghiệp, phân luồng học sinh, tổ chức dạy nghề cấp trung học cơ sở cho học sinh;

5. Tổ chức lao động sản xuất và dịch vụ kỹ thuật phục vụ đào tạo;

6. Nghiên cứu ứng dụng các đề tài khoa học về giáo dục nghề nghiệp, giáo dục thường xuyên và hướng nghiệp, thử nghiệm, ứng dụng và chuyển giao công nghệ mới phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương;

7. Phối hợp với các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân, gia đình người học trong hoạt động đào tạo nghề nghiệp, giáo dục thường xuyên và hướng nghiệp; tổ chức cho người học tham quan, thực hành, thực tập tại doanh nghiệp.

3. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục:

3.1 Sứ mạng

Nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực cho quận nói riêng và cho xã hội nói chung, đa dạng hóa các loại hình giáo dục đào tạo, tư vấn giới thiệu việc làm. Cụ thể như sau:

3. 1.1. Nhiệm vụ giáo dục nghề nghiệp: tổ chức đào tạo nhân lực kỹ thuật trực tiếp trong sản xuất, dịch vụ ở trình độ sơ cấp nghề; tổ chức xây dựng và thực hiện các chương trình, giáo trình, học liệu dạy nghề đối với nghề được phép đào tạo; xây dựng kế hoạch tuyển sinh, tổ chức tuyển sinh học nghề; tổ chức các hoạt động dạy và học; kiểm tra cấp chứng chỉ nghề theo quy định của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; tư vấn nghề cho học viên và người lao động; phối hợp với các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân, gia đình người học nghề tham quan, thực tập tại doanh nghiệp.

3.1.2. Nhiệm vụ hướng nghiệp: nâng cao nhận thức, đổi mới và tăng cường công tác tuyên truyền về ý nghĩa, tầm quan trọng của giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh phổ thông; tăng cường phối hợp giữa các cơ sở giáo dục phổ thông, các cơ quan quản lý giáo dục trong hoạt động giáo dục hướng nghiệp và học sinh phổ thông sau khi tốt nghiệp vào học tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp; đa dạng hóa, vận dụng linh hoạt các hình thức tư vấn hướng nghiệp phù hợp với lứa tuổi học sinh; cung cấp kịp thời thông tin về cơ sở giáo dục nghề nghiệp, chính sách đối với người học các trình độ giáo dục nghề nghiệp, chính sách ưu đãi trong giáo dục nghề nghiệp; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong việc trao đổi kinh nghiệm giáo dục hướng nghiệp, phân luồng học sinh phổ thông, về nhu cầu và xu hướng thị trường lao động.

3.1.3. Nhiệm vụ giáo dục thường xuyên: điều tra nhu cầu học tập trên địa bàn; tổ chức thực hiện các chương trình giáo dục, xác định nội dung học tập, đề xuất với Sở Giáo dục và Đào tạo và Ủy ban nhân dân quận các chương trình và hình thức

học phù hợp với từng loại đối tượng; tổ chức các lớp học theo chương trình giáo dục thường xuyên cấp Trung học phổ thông, tổ chức liên kết đào tạo với các trường trung cấp, các trường cao đẳng khi thực hiện chương trình giáo dục thường xuyên.

3.2 Tầm nhìn:

Xây dựng Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Quận 11 đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục mức độ 1; tiếp tục tư vấn phân luồng học sinh sau tốt nghiệp Trung học cơ sở để đảm bảo công tác tuyển sinh vào lớp 10, tiếp tục liên kết với các trường cao đẳng dạy chương trình giáo dục thường xuyên cấp Trung học phổ thông; phấn đấu tư vấn học viên đang học giáo dục thường xuyên kết hợp với học nghề trung cấp; tập huấn cho giáo viên công nghệ; đào tạo nghề, tư vấn giới thiệu việc làm.

3.3 Mục tiêu:

Tính trung thực; tính kỷ luật; sự hợp tác; tính đoàn kết; tinh thần trách nhiệm và khát vọng vươn lên.

3.4. Mô hình và cơ cấu đào tạo:

- Mô hình đào tạo: đa dạng hóa nội dung chương trình đào tạo, hình thức đào tạo và tổ chức học đáp ứng đa dạng về điều kiện và nhu cầu học tập của mọi người, mọi lứa tuổi.

- Cơ cấu đào tạo: chương trình giáo dục thường xuyên cấp Trung học phổ thông, chương trình ứng dụng tin học, ngoại ngữ, bồi dưỡng văn hóa; phối hợp các chương trình trung cấp nghề, cao đẳng nghề để vừa dạy nghề vừa dạy văn hóa, dạy nghề sơ cấp, dạy nghề ngắn hạn theo nhu cầu học tập của người học.

Tóm tắt cơ cấu tổ chức:

Lãnh đạo Trung tâm có 4 người (1 Giám đốc; 03 Phó giám đốc), 4 tổ (Tổ Giáo dục thường xuyên, Tổ Hành chính tổng hợp - Dịch vụ sản xuất, Tổ Giáo vụ, Tổ Đào tạo Nghề - Hướng nghiệp); có đầy đủ các tổ chức đoàn thể (Chi bộ, Công đoàn, Chi đoàn); Hội đồng Trung tâm, Hội đồng thi đua khen thưởng, kỷ luật theo đúng quy định của Thông tư 01/2023/TT-BGDĐT về ban hành Quy chế hoạt động của Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp- Giáo dục thường xuyên.

Toàn Trung tâm có 2.381 học viên / 55 lớp – Tỷ lệ: 43,3 học viên/lớp.

Trong đó:

Khối	Điểm học								Tổng cộng	
	Cơ sở 1		Cao đẳng Kinh tế Kỹ thuật TP.HCM		Cao đẳng Kinh tế Công nghệ TP.HCM		Trung cấp nghề quận Bình Thạnh			
	Số lớp	Số HV	Số lớp	Số HV	Số lớp	Số HV	Số lớp	Số HV	Số lớp	Số HV
Lớp 10	4	183	19	960	1	14	3	130	**27**	**1287**
Lớp 11	4	121	8	363	1	26	2	95	**15**	**605**
Lớp 12	4	140	6	254	1	40	2	55	**13**	**489**
Tổng cộng	**12**	**444**	**33**	**1577**	**3**	**80**	**7**	**280**	**55**	**2381**

Thông tin người đại diện pháp luật:

Ông: VÕ MINH TUẤN KIỆT – Giám đốc Trung tâm

Số điện thoại: 0903014469

Địa chỉ thư điện tử: vmtkiet.q11@tphcm.gov.vn

Thành viên hội đồng trường:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Đại diện tổ chức / đoàn thể / tổ chuyên môn
1	Võ Minh Tuấn Kiệt	Giám đốc	Lãnh đạo Trung tâm
2	Văn Thành Dũng	Phó giám đốc- Bí thư Chi bộ	Lãnh đạo Trung tâm
3	Nguyễn Quốc Trung	Phó giám đốc	Lãnh đạo Trung tâm
4	Đặng Đức Toàn	Phó giám đốc	Lãnh đạo Trung tâm
5	Cao Nhật Quỳnh	Chủ tịch Công đoàn	Công đoàn CS
6	Thạch Mỹ Dung	Tổ trưởng tổ GDTX	Tổ chuyên môn
7	Châu Minh Thông	Bí thư Chi đoàn	Chi đoàn
8	Bùi Chí Thiện	Tổ trưởng Tổ HCTH	Tổ HCTH
9	Bùi Văn Trực	Tổ phó Tổ Giáo vụ - Trưởng ban TTND	Tổ Giáo vụ - Ban TTND
10	Trần Thị Thúy	Tổ phó Tổ HCTH	Tổ HCTH
11	Tống Văn Quang	Tổ phó Tổ GDTX	Tổ chuyên môn

- Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận Giám đốc, Phó giám đốc:

+ Quyết định số 2202/QĐ-UBND ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Quận 11 về việc điều động và bổ nhiệm chức vụ Giám đốc Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Quận 11 của ông Võ Minh Tuấn Kiệt.

+ Quyết định số 2134/QĐ-UBND ngày 31 tháng 8 năm của Ủy ban nhân dân Quận 11 về việc bổ nhiệm lại chức vụ lãnh đạo quản lý đối với ông Văn Thành Dũng, Phó Giám đốc Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Quận 11.

+ Quyết định số 2135/QĐ-UBND ngày 31 tháng 8 năm của Ủy ban nhân dân Quận 11 về việc bổ nhiệm lại chức vụ lãnh đạo quản lý đối với ông Nguyễn Quốc Trung, Phó Giám đốc Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Quận 11.

+ Quyết định số 2133/QĐ-UBND ngày 31 tháng 8 năm của Ủy ban nhân dân Quận 11 về việc bổ nhiệm lại chức vụ lãnh đạo quản lý đối với bà Đặng Đức Toàn, Phó Giám đốc Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Quận 11.

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

a) Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo vị trí việc làm và trình độ đào tạo

STT	Tên vị trí việc làm	Số lượng vị trí việc làm	Số lượng người làm việc
1	*2*	*3*	*4*
1	**Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý**	**4**	**6**
1.1	Giám đốc	1	1
1.2	Phó Giám đốc	1	2
1.3	Tổ trưởng	1	1
1.4	Tổ phó	1	2
2	**Vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành**	**10**	**36**
2.1	Giáo viên giáo dục nghề nghiệp hạng IV	1	2
2.2	Giáo viên trung học phổ thông hạng I	1	1
2.3	Giáo viên trung học phổ thông hạng II	1	5
2.4	Giáo viên trung học phổ thông hạng III	1	15
2.5	Giáo viên trung học cơ sở hạng I	1	1
2.6	Giáo viên trung học cơ sở hạng II	1	2
2.7	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	1	3
2.8	Sản xuất, kinh doanh, dịch vụ hoạt động giáo dục, đào tạo	1	2
2.9	Thiết bị, thí nghiệm	1	1
2.10	Giáo vụ	1	4
3	**Vị trí việc làm chuyên môn dùng chung**	**6**	**6**

3.1	Chuyên viên về hành chính - văn phòng	1	1
3.2	Chuyên viên về tổng hợp	1	1
3.3	Thư viện viên hạng III	1	1
3.4	Kế toán viên	1	1
3.5	Chuyên viên thủ quỹ	1	1
3.6	Văn thư viên	1	1
4	**Vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ**	**2**	**6**
4.1	Y tế học đường	1	Kiêm nhiệm
4.2	Bảo vệ	1	4
4.3	Phục vụ	1	2

Năm 2024, số lượng người làm việc hưởng lương ngân sách Nhà nước tại đơn vị được Ủy ban nhân dân Quận 11 giao là 49 người, biên chế hiện có tính đến ngày 01 tháng 10 năm 2024 là 32 người, chiếm tỷ lệ 65,31%.

2. Số lượng, trình độ viên chức, người lao động thực tế đang sử dụng:

2.1. Số lượng:

- Viên chức: 32 người

- Người lao động hợp đồng theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP: 06 người.

2.2. Trình độ:

- Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ:

+ Viên chức:

Tiến sĩ: 0/32 người, chiếm tỷ lệ: 0%

Thạc sĩ: 03/32 người, chiếm tỷ lệ 9,38 %;

Đại học: 28/32 người, chiếm tỷ lệ 87,5%;

Cao đẳng: 0/32 người, chiếm tỷ lệ 0%;

Trung cấp: 01/32 người, chiếm tỷ lệ 3.12%;

- Trình độ lý luận chính trị đối với viên chức:

Cao cấp: 02/32 người, chiếm tỷ lệ: 1.61%

Cử nhân: 0 người, chiếm tỷ lệ 0 %;

Trung cấp: 06/32 người, chiếm tỷ lệ 18.75%;

Sơ cấp: 03/32 người, chiếm tỷ lệ 9.38%

- Các tiêu chí khác đối với viên chức:

+ Ngoại ngữ:

*** Tiếng Anh:**

Đại học trở lên: 01/32 người, chiếm tỷ lệ: 3.12%

Chứng chỉ: 31//32 người, chiếm tỷ lệ: 96.88%

*** Ngoại ngữ khác:**

Đại học trở lên: 0 người, chiếm tỷ lệ: ….%

Chứng chỉ: 01/32 người, chiếm tỷ lệ: 3.12 %

*** Chứng chỉ tiếng dân tộc:** 0 người, chiếm tỷ lệ: 0 %

+ Tin học:

Trung cấp trở lên: 01/32 người, chiếm tỷ lệ: 3.12%

Chứng chỉ: 31/32 người, chiếm tỷ lệ: 96.88%

+ Giới tính:

Nam: 13/32 người, chiếm tỷ lệ: 40.63%

Nữ: 21/32 người, chiếm tỷ lệ: 59.37 %

*** Độ tuổi:**

- Từ 30 tuổi trở xuống: 01 người, chiếm tỷ lệ: 3.12 %
- Từ 31 đến 40 tuổi: 12/32 người, chiếm tỷ lệ: 37,5%
- Từ 41 đến 50 tuổi: 12/32 người, chiếm tỷ lệ: 37.5%
- Từ 51 đến 60 tuổi: 07/32 người, chiếm tỷ lệ: 21.87%
- Trên 60 tuổi: 0/0 người, chiếm tỷ lệ: 0%

+ Thực trạng vị trí việc làm trong cơ quan, đơn vị theo Đề án cũ đã được phê duyệt, cụ thể:

- Vị trí việc làm gắn với nhiệm vụ quản lý, điều hành: 04 vị trí;
- Vị trí việc làm gắn với công việc hoạt động nghề nghiệp: 03 vị trí;
- Vị trí việc làm chuyên môn dùng chung: 10 vị trí.

b) Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định:

	Tổng số	Đạt chuẩn		Chưa đạt chuẩn	
		Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ
Cán bộ quản lý	4	4	100%	0	0
Giáo viên	16	16	100%	0	0

b) Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý hoàn thành bồi dưỡng hàng năm theo quy định:

	Tổng số	Hoàn thành bồi dưỡng		Chưa hoàn thành bồi dưỡng	
		Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ
Cán bộ quản lý	4	4	100%	0	0
Giáo viên	16	16	100%	0	0

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

a) Diện tích khu đất xây dựng Trung tâm, diện tích bình quân tối thiểu cho một học viên; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định

Trung tâm được xây dựng trên tổng diện tích 2256m2 đảm bảo cho học viên học tập, vui chơi và tổ chức các hoạt động giáo dục; Trung tâm có cổng chính, cổng phụ, biển tên Trung tâm và tường rào bao quanh đảm bảo an ninh trật tự, sân chơi đảm bảo theo quy định. Khuôn viên Trung tâm trồng nhiều cây xanh đảm bảo yêu cầu về xanh, sạch, đẹp, thoáng mát, tạo điều kiện môi trường thân thiện, gần gũi giữa học viên và thầy cô giáo.

Dựa trên số học viên tại Trụ sở 444 em trên tổng diện tích 2256m2, bình quân 5,1m2/học viên tuy chưa đảm bảo diện tích trên một học viên theo quy định 10m2/học viên [1] nhưng tại vùng nội thành Thành phố Hồ Chí Minh vẫn được xem là đạt yêu cầu.

b) Số lượng, hạng mục khối hành chính quản trị; khối phòng học tập; khối phòng hỗ trợ học tập; khối phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao; khối phục vụ sinh hoạt; hạ tầng kỹ thuật đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định.

Trung tâm có phòng học, được trang bị đầy đủ trang thiết bị tối thiểu đảm bảo theo quy định của Bộ GD-ĐT; đáp ứng yêu cầu giảng dạy của giáo viên và yêu cầu học tập của học viên. Trung tâm có sân chơi, sân tập thể dục cho học viên.

Khối hành chính, phòng chức năng đảm bảo đúng quy định. Trung tâm trang bị đủ máy tính có kết nối internet phục vụ công tác quản lý và giảng dạy. Căn tin đảm bảo vệ sinh theo quy định, phục vụ tốt cho học viên.

Trung tâm có khu vực để xe cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và khu vực để xe của học viên ở vị trí hợp lý. Các khu vệ sinh dành cho học viên mỗi tầng lầu 2 phòng riêng biệt cho nam và nữ, thuận tiện và phù hợp cho học viên sử dụng. Trung tâm sử dụng nguồn nước thủy cục phục vụ cho sinh hoạt đảm bảo vệ sinh. Nước uống của học viên sử dụng nước bình của Công ty Vĩnh Hảo đảm bảo vệ sinh. Hệ thống thoát nước, thu gom rác đảm bảo yêu cầu.

[1] Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 5 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học

Văn phòng: 13 bộ

Loa hội trường, phòng học: 12 bộ

Máy photocopy: 01 máy

Âm thanh hội trường: 01 bộ

Ti vi: 12 cái

Máy chiếu: 01 cái

c) Danh mục sách giáo khoa sử dụng đã được phê duyệt năm học 2024-2025 theo quy định của Bộ Giáo dục Đào tạo:

SAO Y; TRUNG TÂM GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP - GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN;
Thời gian ký: 27/06/2024 15:15:17 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 11
TRUNG TÂM GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP-
GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN

Số: 195 /TB-GDNN-GDTX

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quận 11, ngày 27 tháng 6 năm 2024

THÔNG BÁO
Về việc sử dụng sách giáo khoa lớp 10, 11, 12
Năm học 2024 - 2025

Căn cứ Thông tư số 25/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 8 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về quy định việc lựa chọn sách giáo khoa trong cơ sở giáo dục phổ thông;

Căn cứ Thông tư 27/2023/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy định việc lựa chọn sách giáo khoa trong cơ sở giáo dục phổ thông;

Căn cứ kết quả việc lựa chọn sách giáo khoa lớp 10, 11 và 12 của các năm học 2022-2023, 2023-2024 và 2024-2025. Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Quận 11 thông báo thông báo đến viên cán bộ, giáo viên và viên chức; phụ huynh và các em học viên việc sử dụng sách giáo khoa các năm học như sau:

TT	MÔN	KHỐI 10	KHỐI 11	KHỐI 12
1	Toán	Chân trời sáng tạo	Chân trời sáng tạo	Chân trời sáng tạo
2	Ngữ văn	Chân trời sáng tạo	Chân trời sáng tạo	Chân trời sáng tạo
3	Vật lí	Chân trời sáng tạo	Cánh diều	Chân trời sáng tạo
4	Hóa học	Chân trời sáng tạo	Cánh diều	Chân trời sáng tạo
5	Sinh học	Chân trời sáng tạo	Cánh diều	Cánh diều
6	Lịch sử	Chân trời sáng tạo	Chân trời sáng tạo	Cánh diều
7	Địa lí	Cánh diều	Cánh diều	Cánh diều
8	HDTN	Chân trời sáng tạo (bản 2)	Chân trời sáng tạo (bản 2)	Chân trời sáng tạo (bản 2)

Sách giáo khoa các lớp 10, 11, 12 có bán tại Thư viện của Trung tâm đúng với giá bìa niêm yết, học viên đăng ký tại group zalo của lớp./.

Nơi nhận:
- Viên chức Trung tâm;
- Zalo các lớp;
- Lưu: VT, Tổ GDTX.

GIÁM ĐỐC

Võ Minh Tuấn Kiệt

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Hiện nay Trung tâm đang tiến hành tự kiểm định chất lượng giáo dục, dự kiến sẽ hoàn thành vào cuối năm 2024.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

Thông tin về kết quả hoạt động giáo dục năm học trước (2023-2024)

1. Quy mô Trung tâm:

- Số liệu học viên trung học

Khối	10	11	12	Tổng cộng
Số lớp	4	4	3	11
Số học viên đầu năm	121	135	111	367
Số học viên cuối năm	115	125	105	345

- Số liệu học viên liên kết văn hóa giáo dục thường xuyên

Khối	10	11	12	Tổng cộng
Số lớp	12	9	6	27
Số học viên đầu năm	480	380	220	1180
Số học viên cuối năm	390	325	208	923

2. Công tác nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục:

2.1. Công tác bồi dưỡng học viên giỏi cấp thành phố hệ giáo dục thường xuyên:

Môn	Toán máy tính cầm tay	Toán	Vật lý	Hóa học	Sinh học	Ngữ văn	Lịch sử	Địa lý	Tiếng Anh
Năm học 2022 – 2023									
Đăng ký dự thi	**4**	**4**	/	/	/	**9**	**5**	**4**	/
Đạt	/	/	/	/	/	**2**	**3**	**2**	/
Năm học 2023 – 2024									
Đăng ký dự thi	**4**	**3**	/	/	/	**9**	**3**	**8**	/
Đạt	**1**	**1**	/	/	/	**1**	**3**	**2**	/

- Đánh giá: Giáo viên nhiệt tình, trách nhiệm, chủ động trong công tác bồi dưỡng, học viên tham gia nhiệt tình.

2.2. Công tác phụ đạo học viên yếu kém:

Hình thức: giáo viên sàng lọc đối tượng, lập danh sách học viên có sức học yếu kém vào danh sách phụ đạo.

Đánh giá kết quả, hiệu quả phụ đạo học viên yếu kém: Học viên nắm bắt được trong tâm kiến thức. Đây là một trong những giải pháp giúp cải thiện tình trạng học lực yếu - kém.

2.3. Công tác ôn tập học viên cuối cấp:

Hình thức: lập kế hoạch, xếp thời khóa biểu ôn tập, luyện thi theo khối thi.

Phương pháp: chủ yếu là củng cố, rèn luyện kiến thức, kỹ năng, bám sát chuẩn kiến thức, kỹ năng qua tài liệu, đề minh họa của Bộ Giáo dục và Đào tạo; bổ sung, chọn lọc ngân hàng đề, hình thức kiểm tra trắc nghiệm môn Toán, Lịch sử, Địa lý dành cho khối lớp 12. Đánh giá đúng thực trạng năng lực học tập của học viên khối lớp 12 để sớm có các nhóm giải pháp giúp cho học viên có năng lực học tập khác nhau.

2.4. Kết quả thực hiện Thông tư 04/2014/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 02 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động ngoài giờ chính khóa, thực hiện Thông tư 43-TT/BGDĐT về thực hiện hoạt động giáo dục trải nghiệm - Hướng nghiệp.

TT	Nội dung	Số lượng tham dự	Kết quả
	Giáo dục hướng nghiệp , ngoại khóa	50	Đạt
	Giáo dục trải nghiệm-Hướng nghiệp	205	Đạt

2.5. Hoạt động chuyên môn khác:

- Số tiết học sử dụng đồ dùng dạy học, ứng dụng công nghệ thông tin, thực hành thí nghiệm.

	Kế hoạch	Thực tế	Tỷ lệ hoàn thành
Sử dụng đồ dùng dạy học	498	376	75%
Ứng dụng công nghệ thông tin	520	520	100%
Thực hành thí nghiệm	60	50	85%

- Hoạt động dự giờ thăm lớp, thao giảng, chuyên đề, tham quan học tập, thi giáo viên giỏi cấp trung tâm.

Nội dung	Số lượng chuyên đề	Kết quả
Chuyên đề cấp thành phố	/	/
Chuyên đề cấp cụm	01	Đã thực hiện
Thi giáo viên chủ nhiệm giỏi cấp thành phố	/	/
Dự giờ (trực tiếp, trực tuyến)	32	Đã thực hiện
Thao giảng	04	Đã thực hiện
Tham quan học tập trải nghiệm	02	Đã thực hiện

….		

- Hoạt động nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng và viết sáng kiến kinh nghiệm của giáo viên và cán bộ quản lý.

Hoạt động	Đăng ký (nộp)	Kết quả
Nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng	14	Đạt
Sáng kiến kinh nghiệm	56	Đạt

- Hoạt động các câu lạc bộ nghiên cứu khoa học, giáo dục kỹ năng sống, giáo dục khởi nghiệp và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa.

Loại hình	Số lượng học viên tham gia	Kết quả hoạt động
Câu lạc bộ Khoa học tự nhiên	/	/
Câu lạc bộ Tiếng Anh	/	/
Hoạt động kỷ năng sống	120	Sinh hoạt trực tuyến qua group lớp

- Hoạt động thư viện:

Sách giấy	Sách điện tử	Máy vi tính	Số lượt mượn sách của giáo viên	Số lượt mượn sách của học viên
500	**/**	**60**	**112**	**240**

2.6. Đổi mới phương pháp dạy học; đổi mới kiểm tra, đánh giá theo hướng phát triển năng lực người học; nâng cao chất lượng sinh hoạt tổ chuyên môn:

- Bằng nhiều giải pháp, lãnh đạo trung tâm yêu cầu giáo viên vận dụng linh hoạt các hình thức dạy học, phương pháp dạy học phù hợp với nhiều loại đối tượng, đổi mới kiểm tra đánh giá theo hướng tăng cường sử dụng công nghệ thông tin, phát huy tính tích cực, chủ động sáng tạo và vận dụng kiến thức của người học.

- Đa dạng hóa các hình thức tổ chức: dạy học theo phân phối chương trình của Bộ, kế hoạch thời gian năm học của Sở Giáo dục và Đào tạo, dạy trực tuyến, dạy học theo chủ đề, dạy học tích hợp và cập nhật kiến thức kỹ năng đáp ứng yêu cầu người học, dạy nghề phổ thông.

- Tổ chuyên môn tổ chức sinh hoạt định kỳ 1 lần/1 tháng.

3. Công tác kiểm tra nội bộ:

STT	Nội dung kiểm tra	Số lần kiểm tra	Kết quả kiểm tra
1	Hồ sơ học vụ	2	Đầy đủ
2	Hồ sơ tổ chuyên môn giáo dục thường xuyên	2	Đầy đủ
3	Hồ sơ giáo viên	2	Đầy đủ
4	Hồ sơ theo dõi sử dụng đồ dùng dạy học, ứng dụng công nghệ thông tin	2	Đầy đủ

5	Hồ sơ sổ điểm điện tử	2	Đầy đủ
6	Hồ sơ hoạt động trải nghiệm- hướng nghiệp	2	Đầy đủ,
7	Hồ sơ nghề sơ cấp	1	Đầy đủ,
8	Hồ sơ tài chính	1	Đầy đủ,

3. KẾT QUẢ CHƯƠNG TRÌNH PHỔ THÔNG HỆ GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN VÀ CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG 2018

3.1 Công tác nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục:

3.1.1 Số lượng học viên:

Năm học		2022 – 2023	2023 – 2024	Số học viên bỏ học
Chương trình Trung học giáo dục thường xuyên	Số lớp	11	11	
	Số học viên	319	345	
Dạy nghề phổ thông cho học sinh Trung học cơ sở	Số lớp			
	Số học sinh			
Dạy nghề phổ thông cho học viên giáo dục thường xuyên	Số lớp			
	Số học viên			
Liên kết dạy văn hóa cho học viên trung cấp	Số lớp	25	27	
	Số học viên	940	923	
Liên kết dạy trung cấp nghề cho học viên giáo dục thường xuyên	Số lớp	0	0	
	Số học viên	0	0	
Nghề sơ cấp	Số lớp	10	10	
	Số học viên	60	60	
Các khóa bồi dưỡng ngắn hạn khác	Số lớp	0	0	
	Số học viên	0	0	

3.1.2. Về chất lượng giáo dục giáo dục thường xuyên:

3.2. Về hạnh kiểm theo Thông tư 21:

KHỐI	Tổng số học viên	Yếu	TB	Khá	Tốt	Từ trung bình trở lên			
						SL	Tỷ lệ 2022-2023	Tỷ lệ 2023-2024	Tăng/ giảm
THCS	/	/	/	/	/	/	/	/	/
THPT	323	0	07	30	286		100%	100%	0
Tổng	323	0	07	30	286		100%	100%	0

2.2. Kết quả rèn luyện theo Thông tư 43:

KHỐI	Tổng số học viên	Chưa đạt	Đạt	Khá	Tốt	Từ trung bình trở lên			
						SL	Tỷ lệ 2022-2023	Tỷ lệ 2023-2024	Tăng/ giảm
THCS	/								/

THPT	1033	02	74	287	670		100%	100%	0
Tổng	1033	02	74	287	670		100%	100%	0

+ Không có xếp loại hạnh kiểm yếu, tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm tốt cao hơn năm trước.

3.3 Về học lực theo Thông tư 21

KHỐI	TS HV	Kém	Yếu	TB	Khá	Giỏi	Từ trung bình trở lên			
							SL	Tỷ lệ 2022-2023	Tỷ lệ 2023-2024	Tăng/ giảm
THCS	/	/	/	/	/	/				/
THPT	323	0	12	94	180	37		98,63%	95,66%	-2,94%
Tổng	323	0	12	94	180	37		98,63%	95,66%	-2,94%

3.4. Kết quả học tập theo Thông tư 43:

KHỐI	TS HV	Chưa đạt	Đạt	Khá	Tốt	Từ trung bình trở lên			
						SL	Tỷ lệ 2022-2023	Tỷ lệ 2023-2024	Tăng/giảm
THCS	//	/	/	/	/	/	/	/	/
THPT	1033	213	521	251	48		90,18%	89,59%	-0,59%
Tổng	1033	213	460	251	48		90,18%	89,59%	-0,59%

+ Tỷ lệ học viên xếp loại học lực từ trung bình trở lên năm học 2022-2023 so với năm học trước

4. Công tác lựa chọn Sách giáo khoa khối 12, chương trình giáo dục phổ thông 2018:

STT	Bộ môn	Số giáo viên/môn	Tên bộ sách lựa chọn
1	Ngữ văn	6	Chân trời sáng tạo
2	Toán	12	Chân trời sáng tạo
3	Vật lý	5	Cánh diều
4	Hóa	4	Cánh diều
5	Sinh	4	Cánh diều
6	Sử	4	Chân trời sáng tạo
7	Địa	4	Cánh diều
8	Hoạt động trải nghiệm	24	Chân trời sáng tạo

5. CÔNG TÁC PHỐI HỢP, LIÊN KẾT ĐÀO TẠO, ĐA DẠNG HÓA HOẠT ĐỘNG

5.1 Công tác xây dựng xã hội học tập, hỗ trợ trung tâm học tập cộng đồng:

5.1.1. Nhiệm vụ xây dựng xã hội học tập:

- Công tác phối hợp với Phòng Giáo dục và Đào tạo thực hiện nhiệm vụ xây dựng xã hội học tập ở địa phương, công tác trọng tâm về học tập suốt đời.

TT	Nội dung phối hợp	Kết quả
	Phối hợp phòng giáo dục, ký kết liên tịch với trung tâm học tập cộng đồng các Phường về công tác dạy nghề, các chuyên đề ngắn hạn về giáo dục cộng đồng, xóa mù chữ, giáo dục tiếp tục sau biết chữ, phổ cấp giáo dục các bậc học: Tiểu học, THCS, THPT	Khảo sát, mời ra lớp học xóa mù, phổ cập, lớp học tình thương, …

- Các hoạt động đã thực thực hiện trong "Tuần lễ hưởng ứng học tập suốt đời năm 2023".

TT	Nội dung tổ chức thực hiện	Số lượng người tham dự	Kết quả
	Phối hợp với Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 11 tổ chức Hội nghị, phong trào hưởng ứng "Tuần lễ học học tập suốt đời"	**430**	**Tốt**

5.1.2. Kết quả thực hiện Công văn số 1144/GDĐT-GDTX ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Sở Giáo dục và Đào tạo về hỗ trợ các trung tâm học tập cộng đồng:

TT	Nội dung hỗ trợ	Số lượng	Kết quả
1	Góp ý kế hoạch hoạt động	16/16 phường	Đã thực hiện
2	Hỗ trợ cung cấp báo cáo viên, giảng viên	10/16 phường	Đã thực hiện

5.1.3. Công tác xóa mù chữ - giáo dục tiếp tục sau khi biết chữ:

TT	Nội dung	Số lượng	Kết quả
1	Phối hợp Phòng giáo dục quận rà soát số liệu người còn mù chữ	**55**	**Đã thực hiện**
2	Đề cử giáo viên dạy xóa mù chữ, TTGDSBC linh hoạt dưới nhiều hình thức	**14**	**Đã thực hiện**

5.2. Công tác liên kết, phối hợp đào tạo, dạy nghề:

Số liệu học viên liên kết đào tạo với trường trung cấp:

Khối	10	11	12	Tổng cộng
Số lớp	/	/	/	/
Số học viên đầu năm	/	/	/	/
Số học viên cuối năm	/	/	/	/

- Số liệu học viên nghề sơ cấp:

Nghề	Cắt tóc	Sửa xe gắn máy	Trang điểm	Tin học văn phòng	Cắm hoa, tỉa rau củ	Điện lạnh	Làm bánh, bắt bông kem

Số lớp	**5**	**1**	**1**	**1**	**1**	**/**	**5**
Số học viên đầu khóa	**20**	**1**	**1**	**20**	**3**	**/**	**25**
Số học viên cuối khóa	**15**	**1**	**1**	**20**	**2**	**/**	**22**

5.3 Công tác dạy ngoại ngữ, tin học:

Học viên đăng ký học tại Trung tâm tin học-ngoại ngữ, trường mở lớp dạy chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin - cơ bản cho 152 học viên./.

GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP - GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN QUẬN 11

Võ Minh Tuấn Kiệt

Nơi nhận:
- Ban giám đốc;
- Cổng thông tin trung tâm;
- Lưu: VT.

PHỤ LỤC 1: BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2024

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 11
TRUNG TÂM GDNN-GDTX

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO CÁC KHOẢN THU NĂM HỌC 2023-2024

STT	Nội dung thu	Đơn vị tính	Mức thu	Thời gian thu (theo tháng/theo học kỳ..)	Ghi chú
I	**Thu học phí công lập**	Mức thu học phí theo hình thức học trực tiếp tại trường năm học 2023 – 2024 là 120.000 đồng/học sinh / tháng. Mức hỗ trợ học phí cho học sinh trung học phổ thông công lập trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh năm học 2023-2024 là: 180.000 đồng/học sinh /tháng, từ nguồn kinh phí ngân sách thành phố cấp. Thời gian áp dụng: 09 tháng năm học 2023 - 2024			
II	**Các khoản thu theo thỏa thuận**				
1	Tiền tổ chức dạy bổ sung kiến thức tại các cơ sở giáo dục thường xuyên	Tiết	8.000	Thu theo học kì	cả 3 khối 10, 11, 12
III	**Các khoản thu hộ- chi hộ**				
1	Tiền Bảo hiểm tai nạn học sinh:	Năm	30.000	Thu 1 lần vào đầu năm học	cả 3 khối 10, 11, 12
2	Tiền Bảo hiểm y tế HS:	12 tháng	680.400	Thu đầu năm học	Gia hạn thẻ BHYT từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024 cho Khối 10 và khối 11
		9 tháng	510.300	Thu đầu năm học	Gia hạn thẻ BHYT từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/09/2024 cho Khối 12
3	Học phẩm	năm	50.000	Thu đầu năm học	cả 3 khối 10, 11, 12
4	Sổ liên lạc điện tử	năm	100.000	Thu đầu năm học	cả 3 khối 10, 11, 12

5	Nước uống học viên lớp bán ngày	tháng	15.000	Thu theo học kì	cả 3 khối 10, 11, 12
6	Nước uống học viên lớp bán đêm	tháng	7.500	Thu theo học kì	cả 3 khối 10, 11, 12

Lưu ý: Nội dung các khoản thu theo quy định tại Nghị quyết 04/2023/NQ-HĐND ngày 12/7/2023 của Hội đồng nhân dân Thành phố về quy định các khoản thu và mức thu; cơ chế quản lý thu chi đối với các hoạt động phục vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục của các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Giám đốc

TRUNG TÂM GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP - GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN QUẬN 11

Võ Minh Tuấn Kiệt

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 11
TRUNG TÂM GDNN - GDTX

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về tài chính
Năm học: 2023-2024

STT	Nội dung	Số tiền
A	**Các khoản chi ngân sách**	
1	Các khoản chi trong năm 2023	
	- Chi lương và phụ cấp	4.738.056.433
	- Chi bồi dưỡng chuyên môn	
	- Chi hội họp, hội thảo	
	- Chi tham quan học tập	
2	Mức chi thường xuyên theo định mức/học sinh	
3	Chi đầu tư xây dựng, sửa chữa, mua sắm trang thiết bị	

B	Chế độ Miễn giảm học phí năm học 2023-2024	Số lượng	Số tiền
1	HS thuộc diện thu hồi đất - quỹ 156	0	0
2	HS thuộc diện hộ nghèo	9	24.300.000
3	HS thuộc diện hộ cận nghèo	10	13.500.000
4	HS thuộc diện con thương binh liệt sĩ	0	0
5	HS dân tộc Chăm - Khơ me	2	5.400.000
6	HS hòa nhập khuyết tật	1	2.700.000
7	HS mồ côi cha mẹ	0	0
	Tổng cộng	**22**	**45.900.000**

Ngày 5 tháng 9 năm 2024
Giám đốc

Võ Minh Tuấn Kiệt